



Bài tập Kinh tế quản lí môi trường 11220730

Kinh tế quản lý môi trường (Đại học Kinh tế Quốc dân)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Khoa Kế hoạch và Phát triển



BÀI TẬP LỚN

Học phần: Kinh tế và quản lý môi trường

Đề: Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam đã qua bao nhiêu lần sửa đổi? Hãy cho biết nội dung khác biệt giữa các lần sửa đổi đó (Phân tích kỹ những thay đổi chính trong lần sửa đổi gần nhất).

Họ và tên : Nguyễn Kim Ánh
Mã sinh viên : 11220730
Số thứ tự : 05
Lớp học phần : 05
GV hướng dẫn : Cô Ngô Thanh Mai

Hà Nội: 10/2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	3
NỘI DUNG CHÍNH.....	4
1. Khái quát về Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam.....	4
2. Những lần sửa đổi của Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam.....	5
2.1. Những nội dung khác biệt tại lần sửa đổi thứ nhất.....	5
2.1. Những nội dung khác biệt tại lần sửa đổi thứ hai.....	6
2.3. Những nội dung khác biệt tại lần sửa đổi thứ ba.....	11
Tài liệu tham khảo.....	15

MỞ ĐẦU

Môi trường là một trong những vấn đề chưa bao giờ hết nóng và luôn nhận được sự chú ý quan tâm của tất cả mọi người trên thế giới- tình trạng môi trường đang ở mức báo động. Ở Việt Nam, vấn đề môi trường đang càng ngày càng được quan tâm hơn, bởi sức ảnh hưởng và tầm quan trọng của nó. Đặc biệt, trong những năm gần đây, khi kinh tế ngày càng phát triển song song đó là các hoạt động đầu tư kinh doanh ngày càng mở rộng nhiều hơn thì vấn đề môi trường cũng được đề cập một cách thường xuyên, liên tục. Bảo vệ môi trường ngày nay đã trở thành một trong những chính sách quan trọng của Đảng và nhà nước ta bằng những biện pháp và chính sách khác nhau. Nhà nước ta đang can thiệp mạnh mẽ vào các hoạt động của cá nhân tổ chức trong xã hội để bảo vệ các yếu tố của môi trường ngăn chặn việc gây ô nhiễm suy thoái và sự cố môi trường. Trong những biện pháp mà nhà nước sử dụng, pháp luật đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sự xuất hiện và vai trò ngày càng tăng của các quy định pháp luật về môi trường là biểu hiện rõ nét về sự cấp bách của vấn đề môi trường và dẫn đến hệ quả tất yếu phải đào tạo giáo dục công dân những kiến thức về pháp luật môi trường. Do vậy bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề sống còn của mỗi quốc gia, của nhân loại. Mọi quá trình phát triển sẽ trở nên không bền vững nếu như chúng ta không quan tâm đến bảo vệ môi trường. Nhận thức về tầm quan trọng đó, Việt Nam đã thiết lập và ban hành Luật Bảo vệ Môi trường nhằm bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước. Tuy nhiên, như với bất kỳ hệ thống pháp luật nào, Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam cũng không thể tránh khỏi sự điều chỉnh và sửa đổi để đáp ứng với các thách thức môi trường ngày càng nghiêm trọng và đa dạng hơn. Qua các năm, luật này đã trải qua một loạt các sửa đổi nhằm cải thiện và điều chỉnh quy định để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu bảo vệ môi trường hiện đại. Trên cơ sở đó, câu hỏi được đặt ra là "Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam đã qua bao nhiêu lần sửa đổi?" và "Nội dung khác biệt giữa các lần sửa đổi đó là gì?" Trong bài viết luận này, chúng ta sẽ tập trung vào phân tích kỹ những thay đổi chính trong lần sửa đổi gần nhất của Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam. Bằng cách xem xét các điểm khác biệt và cải tiến trong lần sửa đổi gần nhất, chúng ta sẽ có cái nhìn sâu hơn về cách mà các quy định và chính sách bảo vệ môi trường đã phát triển theo thời gian và ứng phó với những thách thức đang diễn ra. Bài viết luận này sẽ phân tích một số điểm chính trong lần sửa đổi gần nhất của Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam và đánh giá tầm quan trọng và tác động của các thay đổi này trong việc bảo vệ và phát triển môi trường bền vững. Qua việc khám phá và phân tích sự phát triển của Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam thông qua các lần sửa đổi, hy vọng rằng bài viết này sẽ góp phần vào việc hiểu rõ hơn về quy trình pháp lý và những cải tiến quan trọng trong việc bảo vệ môi trường của đất nước chúng ta.

NỘI DUNG CHÍNH

1. Khái quát về Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam là một khung pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ và quản lý tài nguyên môi trường của đất nước. Được ban hành với mục tiêu bảo vệ, bảo tồn và phát triển môi trường bền vững, luật này đã trải qua một số lần sửa đổi để đáp ứng với những thách thức môi trường ngày càng phức tạp và nghiêm trọng hơn.

Từ khi Luật Bảo vệ Môi trường được ban hành lần đầu tiên vào năm 1993, nó đã trải qua một số lần sửa đổi để điều chỉnh, bổ sung và cải tiến các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường. Các lần sửa đổi này thường được thực hiện dựa trên việc đánh giá hiệu quả và thực tế của luật hiện hành, cũng như để đáp ứng với các yêu cầu mới và thay đổi trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Mỗi lần sửa đổi của Luật Bảo vệ Môi trường đều mang lại những thay đổi cụ thể và quan trọng trong các quy định, chính sách, và quy trình quản lý môi trường. Những thay đổi này có thể tập trung vào việc cải thiện quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, tăng cường quyền lợi và trách nhiệm của công dân, tăng cường hiệu quả thực thi luật, và áp dụng các biện pháp phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường.

Việc phân tích kỹ những thay đổi chính trong lần sửa đổi gần nhất của Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam sẽ cung cấp cái nhìn sâu hơn về cách mà luật này tiếp cận vấn đề bảo vệ môi trường và thích ứng với các thách thức hiện tại.

Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993 được ban hành lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 1993, gồm 8 chương, 43 điều.

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam đã qua 3 lần sửa đổi, bổ sung, bao gồm:

- Lần 1: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005 được ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2005, gồm 9 chương, 54 điều.
- Lần 2: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 được ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2014, gồm 10 chương, 99 điều.
- Lần 3: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 được ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020, gồm 11 chương, 172 điều.

2. Những lần sửa đổi của Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam

2.1. Những nội dung khác biệt tại lần sửa đổi thứ nhất

Phạm vi điều chỉnh

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 1993: Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2005: Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Quy định về cơ chế quản lý

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 1993: Quy định chưa đủ cụ thể về cơ chế quản lý môi trường.

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2005: Đã đề ra cơ chế quản lý môi trường, bao gồm việc thành lập các cơ quan quản lý môi trường và quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này.

Quy định về trách nhiệm của cá nhân và tổ chức

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 1993: Quy định chưa đủ cụ thể về trách nhiệm của cá nhân và tổ chức trong bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2005: Đã đề ra quy định về trách nhiệm của cá nhân và tổ chức trong bảo vệ môi trường, bao gồm việc xác định trách nhiệm về môi trường, trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường, và trách nhiệm công bố thông tin về môi trường.

Phạm vi điều chỉnh

Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993: Luật này tập trung quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005: Luật này mở rộng phạm vi điều chỉnh bao gồm cả các lĩnh vực khác như thủy sản, giao thông vận tải, du lịch, khai thác tài nguyên, quản lý rừng, quản lý đất đai, quản lý nước, quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm môi trường, và quản lý biến đổi khí hậu.

Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 1993: Tập trung vào việc quản lý và bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2005: Mở rộng phạm vi điều chỉnh bao gồm cả việc quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững môi trường.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993: Quy định chưa đủ cụ thể về báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005: Luật này yêu cầu các dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường và công bố, cung cấp thông tin về môi trường liên quan đến hoạt động của mình.

Công cụ và biện pháp chế tài

Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993 Quy định chưa đủ cụ thể về công cụ và biện pháp chế tài để bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005: Luật này cho phép áp dụng nhiều công cụ và biện pháp chế tài mạnh hơn như áp dụng tiêu chuẩn môi trường, sử dụng các công cụ kinh tế, thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường

Quy định về phạt và xử phạt

Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 1993: Chưa có quy định rõ về các biện pháp phạt và xử phạt đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2005: Quy định rõ các biện pháp phạt và xử phạt đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhằm tăng cường tuân thủ và thúc đẩy việc bảo vệ môi trường.

Những điểm bổ sung quan trọng

Quy định về tiêu chuẩn môi trường: Luật Bảo vệ môi trường 2005 quy định nội dung cụ thể hơn liên quan đến tiêu chuẩn môi trường, nhằm đảm bảo áp dụng bắt buộc các quy chuẩn môi trường và xây dựng các quy chuẩn phù hợp với điều kiện kinh tế, công nghệ và đảm bảo phát triển bền vững.

Hoạt động đánh giá tác động môi trường: Luật Bảo vệ môi trường 2005 nhấn mạnh hơn việc cải thiện hoạt động đánh giá tác động môi trường, đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong quá trình thẩm định và phê duyệt các dự án và hoạt động đầu tư.

Quản lý chất thải: Luật Bảo vệ môi trường 2005 có quy định riêng một chương về quản lý chất thải, nhằm đảm bảo việc phân loại, xử lý và quản lý chất thải một cách hiệu quả và bền vững.

Bảo vệ nguồn nước: Luật Bảo vệ môi trường 2005 đặt sự quan tâm đúng mức hơn đối với bảo vệ môi trường đối với nước biển, nước sông và các nguồn nước khác, nhằm ngăn chặn khai thác quá mức và ô nhiễm môi trường nước.

2.1. Những nội dung khác biệt tại lần sửa đổi thứ hai **Giải thích thuật ngữ**

Điều 3 Luật BVMT 2014 có 29 khái niệm để giải thích từ ngữ, trong đó có bổ sung thêm 9 khái niệm mới so với luật BVMT 2005 như: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, sức khỏe môi trường, công nghiệp môi trường, kiểm soát ô nhiễm, hồ sơ môi trường,

quy hoạch BVMT, hạ tầng kỹ thuật BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH), an ninh môi trường...

Các khái niệm về môi trường, ô nhiễm môi trường, sức chịu tải của môi trường, đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phế liệu... cũng đã được chỉnh sửa, bổ sung, phù hợp với thực tế hiện nay, việc chỉnh sửa, bổ sung các khái niệm đã góp phần làm rõ hơn các nội dung về BVMT thể hiện trong luật, qua đó giúp các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh có thể hiểu rõ và thực thi các nhiệm vụ về BVMT theo quy định pháp luật.

Nguyên tắc BVMT

Luật BVMT 2014 có 8 nguyên tắc về BVMT (Luật BVMT 2005 có 5 nguyên tắc), về cơ bản nguyên tắc BVMT đã có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế hiện nay như: BVMT phải gắn kết với bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), ứng phó BĐKH, sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

BVMT phải gắn kết với bảo đảm quyền của trẻ em, thúc đẩy giới và bảo đảm mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành. Các nguyên tắc này, đã thể hiện được chủ trương của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới.

Những hành vi bị nghiêm cấm

Luật BVMT 2014 có 16 hành vi cấm được nêu trong Điều 7 và Luật BVMT 2005 cũng có 16 hành vi bị cấm. Tuy nhiên, Luật BVMT 2014 có quy định và bổ sung các hành vi mới bị cấm như: hành vi vận chuyển chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường, thải chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào không khí, đưa vào nguồn nước hóa chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật, phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vượt quá quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm của người có thẩm quyền để làm trái quy định về quản lý môi trường.

Quy hoạch BVMT

Luật BVMT 2014 đã xây dựng một mục riêng cho Quy hoạch BVMT đây là nội dung hoàn toàn mới với 5 Điều: nguyên tắc cấp độ, kỳ quy hoạch, nội dung quy hoạch, trách nhiệm lập quy hoạch, tham vấn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, rà soát và điều chỉnh

quy hoạch. Theo đó Điều 8 luật BVMT 2014 thể hiện rất rõ nguyên tắc, cấp độ, kỳ của quy hoạch BVMT như sau:

Quy hoạch bảo vệ môi trường phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm phát triển bền vững
- Bảo đảm thống nhất với quy hoạch sử dụng đất; thống nhất giữa các nội dung cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường
- Bảo đảm nguyên tắc bảo vệ môi trường quy định tại Điều 4 của Luật này.

Quy hoạch bảo vệ môi trường gồm 02 cấp độ là quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường là 10 năm, tầm nhìn đến 20 năm.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 12 cũng quy định cụ thể về rà soát, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường: “Quy hoạch bảo vệ môi trường phải được định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế – xã hội trong từng giai đoạn. Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch bảo vệ môi trường là 05 năm kể từ ngày quy hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt”.

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

Theo Điều 18, Luật BVMT 2014 quy định chỉ có 3 nhóm đối tượng phải lập ĐTM. Đó là: Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Các dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử – văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam đã được xếp hạng

Các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Việc đối tượng lập báo cáo ĐTM được thu hẹp lại hơn so với luật BVMT 2005 (luật BVMT 2005 có 7 nhóm đối tượng phải lập ĐTM) có thể nhận định việc hạn chế lạm dụng yêu cầu phải làm báo cáo ĐTM và tính lý thuyết của một số ĐTM trong thực tiễn.

Kế hoạch bảo vệ môi trường

Mục 4, Luật BVMT 2014 quy định về Kế hoạch BVMT (thay cho cam kết BVMT theo Luật BVMT 2005) có 6 điều (từ Điều 29 – Điều 34). Theo đó, các quy định về thực hiện Kế hoạch BVMT theo luật BVMT 2014 có nhiều thay đổi so với luật BVMT 2005 như: đối tượng phải lập Kế hoạch BVMT sẽ do Chính phủ quy định, các nội dung Kế hoạch BVMT được mở rộng đến 6 nội dung, trách nhiệm tổ chức thực hiện xác nhận Kế hoạch BVMT bao gồm cả cơ quan chuyên môn về BVMT thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

Ứng phó với Biến đổi khí hậu

Chương IV Luật BVMT 2014 quy định về ứng phó với BĐKH, đây là nội dung đầu tiên luật hóa những quy định về ứng phó với BĐKH trong mối liên quan chặt chẽ với BVMT.

Ứng phó với BĐKH quy định trong luật BVMT 2014 bao gồm 10 Điều (từ Điều 39 – Điều 48): quy định chung về ứng phó với BĐKH; lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, quản lý phát thải khí nhà kính, quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, phát triển năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu thụ thân thiện với môi trường, thu hồi năng lượng từ chất thải, quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với BĐKH, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ ứng phó với BĐKH và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Các quy định trên sẽ làm cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền các cấp xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH trong mối liên quan với BVMT. Ngoài ra, việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải nhằm hạn chế các khí thải làm suy giảm tầng ô – dôn đã được nhấn mạnh bên cạnh việc khuyến khích thu hồi năng lượng từ chất thải nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong thời điểm phải thích ứng và ứng phó với các tác động của BĐKH.

Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Luật BVMT 2014 có chương riêng về BVMT biển và hải đảo và có 3 Điều (từ Điều 49-51) bao gồm: quy định chung về BVMT biển và hải đảo, kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường biển và hải đảo. Trong khi Luật BVMT 2005 chỉ có mục 1 là BVMT biển, điều này cho thấy luật BVMT 2014 có tính bao quát rộng hơn về vấn đề này và tầm quan trọng trong công tác BVMT biển hải đảo trong giai đoạn hiện nay.

Bảo vệ môi trường đất

Luật BVMT 2005 không có điều khoản riêng về BVMT đất. Tuy nhiên, Luật BVMT 2014 có mục riêng về BVMT đất, bao gồm 3 Điều (Điều 59 – Điều 61), trong đó có quy định chung về BVMT đất, quản lý môi trường đất và kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Theo đó, mọi hoạt động có sử dụng đất phải xem xét đến môi trường đất và giải pháp BVMT đất; các tổ chức, cá nhân được giao sử dụng đất phải có trách nhiệm BVMT đất; gây ô nhiễm môi trường đất phải có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất. Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết việc kiểm soát ô nhiễm môi trường đất để bảo đảm các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm đất phải được xác định, kiểm soát; cơ quan quản lý nhà nước về BVMT có trách nhiệm tổ chức kiểm soát ô nhiễm môi trường đất; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm đất tại cơ sở.

BVMT tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp

Luật BVMT 2005 có quy định về BVMT đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung nhưng chưa có các quy định chi tiết về BVMT đối với các hình thức tổ chức sản xuất tập trung đang phổ biến hiện nay như: các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

Luật BVMT 2014 có quy định cụ thể về BVMT khu kinh tế, BVMT khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, BVMT cụm công nghiệp (từ Điều 65 – Điều 67), trong đó quy định rõ chức năng của cơ quan quản lý BVMT, tổ chức và hoạt động BVMT tại các khu vực này.

Luật cũng giao Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết có liên quan trong BVMT tại các loại hình tổ chức sản xuất này.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Luật BVMT 2005 có quy định về tiêu chuẩn môi trường. Trong khi, Luật BVMT 2014 quy định bổ sung quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại Chương XI (từ Điều 113 – Điều 120), điều này phù hợp với quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.

Theo đó, Luật BVMT 2014 có các quy định chi tiết về quy chuẩn kỹ thuật môi trường xung quanh, quy chuẩn kỹ thuật chất thải và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác

Ngoài ra còn có các quy định: nguyên tắc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật môi trường, yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật...

Đặc biệt điểm mới ở đây là việc quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương do UBND cấp tỉnh ban hành.

Ngoài ra, luật BVMT 2014 cũng đã bổ sung các quy định về tăng trưởng xanh, cơ sở, sản phẩm thân thiện với môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững, bổ sung các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm, kiểm soát chất độc Dioxin có nguồn gốc diệt cỏ do Mỹ sử dụng trong chiến tranh tại Việt Nam, kiểm soát việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất nói chung và đặc biệt là thuốc bảo vệ thực vật, thú y, BVMT nông nghiệp, nông thôn.

Giao Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, tái sử dụng chất thải, thời hiệu khởi kiện về môi trường...Bổ sung và làm rõ hơn trách nhiệm công bố thông tin về môi trường, về tình trạng môi trường, trách nhiệm báo cáo công tác quản lý môi trường của cơ quan nhà nước các cấp.

2.3. Những nội dung khác biệt tại lần sửa đổi thứ ba **Những Điểm mới về Bộ cục**

Luật BVMT 2020 gồm 16 Chương, 171 Điều (so với Luật BVMT 2014 gồm 20, Chương 170 Điều).

Thứ nhất, Luật BVMT 2020 đưa các quy định về bảo vệ các thành phần môi trường lên đầu, thể hiện rõ mục tiêu xuyên suốt là bảo vệ các thành phần môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân, coi đây là nội dung trọng tâm, quyết định cho các chính sách BVMT khác.

Thứ hai, Luật BVMT 2020 đồng bộ các công cụ quản lý môi trường theo từng giai đoạn của dự án, bắt từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thực hiện dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành chính thức và kết thúc dự án, bao gồm: chiến lược BVMT quốc gia, quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và đăng ký môi trường.

Thứ ba, lần đầu tiên, Luật BVMT 2020 thiết kế khung chính sách hướng đến việc hình thành đạo luật về BVMT có tính tổng thể, toàn diện và hài hòa với hệ thống pháp luật về kinh tế-xã hội; cải cách mạnh mẽ, cắt giảm trên 40% thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính từ 20-85 ngày, góp phần giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp.

Những Điểm mới về Nội dung

Thứ nhất, mở rộng phạm vi điều chỉnh, ‘cộng đồng dân cư’ được quy định là một chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường, phát huy vai trò của ‘cộng đồng dân cư’ trong các hoạt động bảo vệ môi trường

Cộng đồng dân cư là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.³ Trong tất cả các đạo luật về BVMT trước đây ở Việt Nam, chủ thể được quy định là các ‘cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân’. Luật BVMT 2020 đã bổ sung ‘cộng đồng dân cư’ vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nhằm khẳng định vị trí, vai trò của nhóm đối tượng quan trọng này trong công tác BVMT cũng như thực hiện một trong những mục tiêu xuyên suốt của Luật là bảo vệ sức khỏe người dân, đảm bảo người dân được sống trong môi trường trong lành.

Thứ hai, kiểm soát chặt chẽ dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, cắt giảm thủ tục hành chính

Các Luật BVMT trước đây chủ yếu căn cứ vào tiêu chí mức độ tác động xấu đến môi trường và diện tích sử dụng đất để phân loại dự án đầu tư. Luật BVMT 2020 quy định rõ hơn về quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và yếu tố nhạy cảm về môi trường. Theo đó dự án đầu tư được phân thành 04 nhóm: có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, có nguy cơ, ít có nguy cơ hoặc không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Tương ứng với từng đối tượng dự án cụ thể, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sẽ áp dụng các cơ chế quản lý phù hợp, cụ thể là: chỉ đối tượng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (Nhóm I) mới phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Quy định này nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành, gồm: Giảm thủ tục hành chính cho nhiều nhà đầu tư, theo đó các dự án không thuộc Nhóm I sẽ không phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường nhằm tiết kiệm được thời gian và chi phí.

Thứ ba, đã định chế nội dung sức khỏe môi trường; bổ sung nhiều giải pháp bảo vệ các thành phần môi trường, đặc biệt là môi trường không khí, môi trường nước

Sức khỏe môi trường tuy không có quy định riêng nhưng đã được định chế trong toàn bộ Luật BVMT 2020, thông qua việc bảo vệ các thành phần môi trường, qua đó bảo vệ sức khỏe người dân, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành. Luật đã bổ sung nội dung quản lý các chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người; quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh trong theo dõi, kiểm soát, phòng ngừa các chất ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe con người cũng như đánh giá mối quan hệ giữa sức khỏe môi trường với sức khỏe con người, đặc biệt là mối quan hệ giữa ô nhiễm môi trường với các loại bệnh dịch mới.

Thứ tư, thúc đẩy phân loại rác thải tại nguồn; định hướng cách thức quản lý, ứng xử với chất thải

Luật BVMT 2020 đã quy định việc thu phí rác thải dựa trên khối lượng hoặc thể tích thay cho việc tính bình quân theo hộ gia đình hoặc đầu người như hiện nay. Cơ chế thu phí này sẽ góp phần thúc đẩy người dân phân loại, giảm thiểu rác thải phát sinh tại nguồn do nếu không thực hiện việc này thì chi phí xử lý rác thải phải nộp sẽ cao, thông qua quy định rác thải sinh hoạt phải được phân làm 03 loại: (i) chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (ii) chất thải thực phẩm; (iii) chất thải rắn sinh hoạt khác. Để

bảo đảm tính khả thi của cơ chế này, Luật đã quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt với thời hạn áp dụng chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thứ năm, thẩm quyền quản lý nhà nước dựa trên nguyên tắc quản lý tổng hợp, thống nhất, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện; phân cấp triệt để cho địa phương

Luật BVMT 2020 đã bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, xả nước thải vào công trình thủy lợi mà lồng ghép nội dung này trong giấy phép môi trường nhằm thống nhất trách nhiệm, thẩm quyền và nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước; đồng thời giảm thủ tục hành chính mạnh mẽ cho doanh nghiệp. Luật đã phân cấp mạnh mẽ cho địa phương thông qua chế định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (quy định hiện hành phân cấp các Bộ, ngành đều có thể thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường). Quy định này sẽ bảo đảm quản lý thống nhất tại địa phương, thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát, cấp phép sau này và phù hợp với xu hướng phân cấp cho địa phương như hệ thống pháp luật hiện hành.

Thứ sáu, chế định cụ thể về kiểm toán môi trường được quy định lần đầu nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý môi trường của doanh nghiệp

Luật BVMT 2020 đã bổ sung nội dung về kiểm toán môi trường nhằm điều chỉnh hoạt động kiểm toán trong nội bộ tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do đơn vị tự thực hiện hoặc thông qua dịch vụ kiểm toán. Mục đích của hoạt động này nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nhận biết lỗ hổng trong quản lý môi trường và có giải pháp điều chỉnh hoạt động quản lý môi trường được hiệu quả hơn.

Thứ bảy, cụ thể hóa các quy định về ứng phó biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước.

Luật BVMT 2020 đã bổ sung các quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó xác định nội dung và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bổ sung quy định về lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch, thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.

Luật đã lần đầu tiên chế định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon như là công cụ để thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính trong nước, góp phần thực hiện đóng góp về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do Việt Nam cam kết khi tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Trong đó, quy định rõ đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước; căn cứ

xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính; trách nhiệm của các cơ quan quản lý, tổ chức liên quan trong việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; lộ trình và thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước để phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thứ tám, hoàn thiện hành lang pháp lý bảo vệ di sản phù hợp với pháp luật quốc tế về di sản, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế

Các quy định về đối tượng là di sản thiên nhiên của Việt Nam đang được quy định tản mạn trong một số pháp luật chuyên ngành như Luật Đa dạng Sinh học (khu bảo tồn đất ngập nước), Luật Lâm nghiệp (khu bảo tồn là rừng đặc dụng), Luật Thủy sản (khu bảo tồn biển), thậm chí còn được quy định trong pháp luật về di sản văn hóa (Luật Di sản Văn hóa quy định di sản văn hóa còn bao gồm cả danh lam thắng cảnh là một đối tượng của di sản thiên nhiên), do đó, chưa bao quát được toàn bộ các đối tượng là di sản thiên nhiên cần bảo vệ. Luật BVMT 2020 đã đưa ra các quy định về tiêu chí xác lập di sản thiên nhiên dựa trên cơ sở các tiêu chí của quốc tế và thực tiễn điều kiện Việt Nam hiện nay; trong đó đối với các đối tượng là di sản thiên nhiên đã được quy định trong pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản, đa dạng sinh học và di sản văn hóa thì vẫn thực hiện theo các quy định này để tránh xáo trộn, chồng chéo. Đồng thời, quy định việc điều tra, đánh giá, quản lý và BVMT di sản thiên nhiên để bảo vệ, phát huy giá trị bền vững di sản thiên nhiên ở nước ta.

Thứ chín, tạo lập chính sách phát triển các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phục hồi và phát triển nguồn vốn tự nhiên

Luật BVMT 2020 đã bổ sung một chương về các công cụ kinh tế và nguồn lực cho BVMT. Trong đó, đã bổ sung các chính sách về phát triển ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường; ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước; thúc đẩy việc khai thác, sử dụng và phát triển vốn tự nhiên; đặc biệt là thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, bổ sung chính sách về tín dụng xanh, trái phiếu xanh để huy động đa dạng các nguồn lực xã hội cho BVMT.

Tài liệu tham khảo

1. <https://hethongphapluat.com/diem-moi-cua-luat-bao-ve-moi-truong-2014.htm>
2. <https://accgroup.vn/nhung-noi-dung-moi-cua-luat-bao-ve-moi-truong-2014>
3. <https://tainguyenvamoitruong.vn/nhung-diem-moi-cua-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020-cid11043.html>
4. <https://accgroup.vn/diem-moi-cua-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020>
5. <https://luatthienam.com/nhung-diem-moi-cua-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020/>
6. <https://letranlaw.com/vi/insights/nhung-diem-moi-cua-luat-bao-ve-moi-truong-2020/>
7. <https://everest.org.vn/khai-quat-ve-phap-luat-bao-ve-moi-truong/>
8. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx>
9. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-bao-ve-moi-truong-2014-238636.aspx>
10. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-Bao-ve-moi-truong-2005-52-2005-QH11-7021.aspx>
11. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-Bao-ve-moi-truong-1993-29-L-CTN-38694.aspx>